

TỔNG CÔNG TY ACC
XÍ NGHIỆP TV&KĐCL

Số : 14/QĐ-XNKĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2026.

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

- Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Tên tổ chức hoạt động chuyên ngành xây dựng: Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng công trình hàng không ACC - Xí nghiệp Tư vấn và Kiểm định chất lượng ACC

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100726116-012 (đăng ký lần đầu ngày 18/3/2004, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 31/8/2022).

Địa chỉ: Số 178, Trường Chinh, P. Kim Liên, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0968832033

Email: Las289acc@gmail.com

Website: acc.acccorp.vn

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Vật liệu và Kiểm định chất lượng

Trưởng phòng thí nghiệm: Dương Việt Cường

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 1 Thượng Thụy, P. Phú Thượng, TP. Hà Nội

Thông tin trạm thí nghiệm hiện trường:

- Trạm TNHT Cảng HKQT Cát Bi: P. Hải An, TP Hải Phòng

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

2.1 Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787: 09; ASTM C183; AASHTO T127	- Xẻng, bay - Túi đựng mẫu	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân

	Xác định độ mịn, bề mặt riêng (PP Blaine), khối lượng riêng của xi măng; xi măng sunfat	TCVN 13605 :2023; TCVN 6067: 15; ASTM C184; C188; C150; C204; AASHTO T133; T153; T192;	- Sàng kích thước mắt 0,045mm; 0,09mm - Ống chứa mẫu, đĩa đục lỗ, pittông đẩy - Áp kế, chất lỏng áp kế - Bình xác định khối lượng riêng, chậu nước, dầu hỏa - Thủy ngân, xi măng, giấy lọc hình đĩa tròn - Tủ sấy 300°C, điều chỉnh được nhiệt độ - Cân kỹ thuật chính xác 0,01g	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11 ; ASTM C109; C348; C349; AASHTO T106-11;	- Sàng (ISO 2591 và 3310-1), kích thước mắt sàng (ISO 565) - Máy trộn - Khuôn (4x4x16cm), máy dằn (điển hình) - Máy thử độ bền uốn (10kN±1%) - Máy thử độ bền nén (tăng tải 2400±200N/s), gá định vị - Tủ dưỡng hộ nhiệt ẩm	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15; TCVN 6067:15; ASTM C187; C191; C185; C150; AASHTO T131-10; ; TCVN 8875 :12	- Dụng cụ Vicat tiêu chuẩn và cải biến, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, dao thép - Cân kỹ thuật chính xác 0,01g - Ống đồng, tấm kính hoặc tấm kim loại, đồng hồ bấm giây - Máy trộn	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
II	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA			
	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:06; AASHTO T2	- Cân kỹ thuật có độ chính xác 1%; - Dụng cụ xúc mẫu - Thiết bị chia mẫu	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Thành phần cốt hạt	TCVN 7572-2:06; ASTM C136: 06; D546 :10; AASHTO T27;T30;T37	- Cân kỹ thuật chính xác 0,01g - Bộ sàng - Khay đựng mẫu, chổi lông - Tủ sấy 300°C, điều chỉnh được nhiệt độ	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân

	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06; ASTM C128; C127; AASHTO T84; T85;	- Cân kỹ thuật chính xác 0,01g - Bình thủy tinh có dung tích 1000ml - Côn thử độ sụt, que chọc kim loại, phễu đổ vật liệu vào côn - Tủ sấy 300°C, điều chỉnh được nhiệt độ - Khay đựng mẫu, chổi lông, giẻ lau, bình hút ẩm - Sàng kích thước mắt sàng 5 và 0,14mm	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	XĐ KLR; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06; ASTM C127:12; AASHTO T 85-13;	- Cân kỹ thuật có độ chính xác 1%; - Cân thủy tinh có độ chính xác 1%, và có giỏ đựng mẫu; - Thùng ngâm mẫu, bằng gỗ hay bằng vật liệu không gỉ; - Khăn thấm nước mềm và khô; - Thước kẹp; - Bàn chải sắt; - Tủ sấy, điều chỉnh được nhiệt độ sấy ổn định từ 105-110 °C	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06; ASTM C29/C29M; AASHTO T19M/T19; TCVN 10321:2014	- Cân kỹ thuật 30kg có độ chính xác 0,5g - Thùng đong bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1, 2, 5, 10, 20 lít - Phễu chứa vật liệu, dao gạt kim loại hoặc bằng gỗ - Bộ sàng, tủ sấy 300°C, điều chỉnh được nhiệt độ	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:06; ASTM C566- 97 ; AASHTO T255-00; TCVN 10321:2014	- Cân kỹ thuật, có độ chính xác 1% - Tủ sấy 300°C, điều chỉnh được nhiệt độ - Khay đựng mẫu	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	XĐHL bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06; ASTM C142; ASTM C117-13; AASHTO T11-05;	- Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 0,1% và 1% - Tủ sấy 300°C, điều chỉnh được nhiệt độ - Khay đựng mẫu - Thùng rửa cốt liệu - Đồng hồ bấm giây - Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân

			- Que khuấy bằng gỗ hoặc bằng kim loại	
	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; ASTM C 40- 11; AASHTO T21-05;	- Ống đồng thủy tinh 250 và 100ml - Cân kỹ thuật, có độ chính xác 0,1% - Sàng kích thước mắt sàng 5mm, khay đựng mẫu, chổi lông, phễu - Thanh màu chuẩn, thuốc thử: NaOH dung dịch 3%, tananh dung dịch 2%, rượu etylic dung dịch 1%	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06; ASTM D2938:95; TCVN 10321:2014	- Máy nén thủy lực - Máy khoan hoặc máy cắt mẫu - Máy mài nước - Thùng ngâm mẫu	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	XĐ độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06; ASTM C170	- Máy nén thủy lực, có lực nén đạt 500kN - Xi lanh có đường kính 75mm; 150mm, có đáy tách rời - Cân kỹ thuật 15kg, có độ chính xác 0,5g - Tủ sấy 300°C, điều chỉnh được nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn theo TCVN 7572:2006 - Sàng kích thước mắt sàng 1,25; 2,5 và 5mm - Khay đựng mẫu, khăn mềm, chổi lông...	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	XĐ độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06; ASTM C131; C535; AASHTO T96: 02; AASHTO T327: 09;	- Cân kỹ thuật, có độ chính xác 1% - Tủ sấy 300°C, điều chỉnh được nhiệt độ - Máy mài Los Angeles, bi thép - Bộ sàng kích thước mắt: 37,5; 25; 19; 12,5; 9,5; 6,3; 4,75; 2,36 và 1,7mm - Khay đựng mẫu, chổi lông, muối xúc...	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	XĐ hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06; ASTM D 4791-10; AASHTO T335:09;	- Cân kỹ thuật, có độ chính xác 1% - Tủ sấy 300°C, duy trì được nhiệt độ - Thước kẹp cải tiến - Bộ sàng tiêu chuẩn theo TCVN 7572:2006	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân

			- Khay đựng mẫu, chổi lông, muối xúc	
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06; AASHTO T122;	- Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g - Tủ sấy 300°C, điều chỉnh được nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn theo TCVN 7572:2006 - Búa con, kim sắt và kim nhôm	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06;	- Cân phân tích chính xác đến 0,001g - Tủ sấy 105-110°C - Sàng tiêu chuẩn kích thước lỗ 0,14; 0,315; 0,63; 1,25; 2,5; 5mm - Giấy nhám, đĩa thủy tinh	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định Hệ số (ES)	ASTM D2419-98 AASHTO T176	- Cân kỹ thuật, chính xác 0,01g - Ống đong bằng nhựa có chia vạch, có nắp đậy bằng cao su - Dung dịch cô đặc 250ml - Tủ sấy 300°C, điều chỉnh được nhiệt độ - Bình chứa nước dung tích 5 lít, ống rửa siphon bằng kim loại, dây cao su, muối xúc, hộp đựng mẫu, phễu nhựa, chổi lông, pipet, sàng 4,75mm, que khuấy bằng kim loại, thước đo bằng thép	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205 : 2012; TCVN 7572-1,2,8,14,15:06	-Thiết bị của TCVN 7572-1,2,8,14,15:06, - Cân kỹ thuật, chính xác đến 0,1g -Sàng 0,075; 1,25mm - Tủ sấy 300°C, điều chỉnh được nhiệt độ - Thùng, khay đựng mẫu	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định hàm lượng hạt nhẹ trong cốt liệu	AASHTO T113: 06; ASTM C123: 03;	- Cân kỹ thuật chính xác đến 0,1% - Sàng: 0,3mm (số 50); 4,75 mm(số 4); - Dụng cụ đựng mẫu: Khay, thùng, chậu - Tủ sấy duy trì được nhiệt độ $110 \pm 5^{\circ}\text{C}$ ($230 \pm 9^{\circ}\text{F}$) - Hoa chất: Dung dịch	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân

			ZnCl ₂ , ZnBr ₂	
	Xác định hàm lượng nhỏ hơn sàng No.200(0,075mm) bằng phương pháp rửa	AASHTO T11 - 05	- Cân kỹ thuật chính xác đến 0,1% khối lượng mẫu - Sàng: 0,075mm (số 200); 2,36 mm; 1,18 mm - Dụng cụ đựng mẫu: khay, thùng, chậu - Tủ sấy duy trì được nhiệt độ $110 \pm 5^{\circ}\text{C}$ ($230 \pm 9^{\circ}\text{F}$)	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
III	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
	Lấy mẫu, chế tạo và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3105: 22; ASTM C172 : 90; AASHTO T141;T23; T126	- Bay, xẻng - Khuôn đúc mẫu các loại - Bàn rung - Búa cao su	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106: 22; ASTM C143-10a; AASHTO T119-11; ISO 1920-2: 2005	- Côn thử độ sụt, tấm nền, que chọc, phễu đổ hỗn hợp, muôi xúc mẫu, bay gạt mẫu, thước lá kim loại	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định độ cứng Vebe	TCVN 3107: 22; ASTM C1170;	- Nhót kế vebe - Bàn rung, que chọc - Đồng hồ bấm giây	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108: 22; ASTM C138-12; AASHTO T121-11;	- Thùng kim loại 5, 15l, thiết bị đầm, cân kỹ thuật 30kg có độ chính xác 0,5g, thước lá thép 400mm	Trần Huy Triệu, Quách Văn Tuyền
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109: 22; ASTM C232-09; AASHTO T158-11 ;	- Khuôn thép 200x200x200mm, bàn rung, que chọc, cân kỹ thuật ($\pm 0,1\text{g}$), sàng 5mm, thước lá kim loại, ống đong 50-200ml, pipet 5ml, tủ sấy, khay sắt	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Phân tích thành phần bê tông	TCVN 3110 : 22	- Cân kỹ thuật (50kg) - Sàng kích thước lỗ 5; 1,2; 0,15mm - Tủ sấy - Bay, xẻng	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112 : 22; ASTM C642-06;	- Bình khối lượng riêng hoặc bình tam giác - Cân phân tích chính xác 0,01g; cân kỹ thuật 30kg chính xác 0,5g - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ, bình hút ẩm	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân

			- Búa con, cối chày đồng, thùng ngâm mẫu, khăn lau, khay đựng, thước kẹp, bếp ga - Sàng 2 hoặc 2,5mm, nước lọc, dầu hoả, cồn 90⁰	
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 22; ASTM C642-06;	- Cân kỹ thuật chính xác không lớn hơn 0,1% khối lượng được cân - Tủ sấy - Thùng ngâm mẫu, khăn lau	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 3114: 22; ASTM C418	- Máy mài, máy cắt - Cát mài - Cân kỹ thuật chính xác đến 0,1g - Thước kẹp	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115: 22; ASTM C642-06	- Cân kỹ thuật và cân thủy tĩnh chính xác đến 50g - Tủ sấy - Bếp điện, paraffin - Thước lá	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118: 22; ASTM C39;C42;C873; AASHTO T22;T140;T24;	- Máy nén thủy lực, đệm truyền tải - Thước đo, má nén - Đế, bột capping..	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:22; ASTM C293; C78; AASHTO T97; T177;	- Máy uốn thủy lực, gối uốn - Thước đo	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định cường độ kéo khi bẻ	TCVN 3120:22; ASTM C496-11; AASHTO T198-09;	- Máy nén thủy lực - Gá ép - Gối truyền tải, đệm gỗ	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định nhiệt độ trong hỗn hợp bê tông	TCVN 9340 : 2012; ASTM C1064-05; AASHTO T309	- Nhiệt kế	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định cường độ của bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020 ASTM C42-90	- Máy cắt, máy khoan bê tông - Máy nén thủy lực, đệm truyền tải - Cân kỹ thuật - Bộ thước đo	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	Theo QĐ số :778/1998/QĐ-BXD; ACI 211.1: 97	- Máy trộn - Cân điện tử - Bàn rung, đầm rung, búa cao su - Khuôn đúc mẫu	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân

			- Côn sệt, Vebe, Nhiệt kế..	
IV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VỮA XÂY DỰNG			
	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:03; ASTM C109-11b;	- Khuôn 40x40x160mm, chày đầm mẫu hoặc, bàn dẫn, thùng ngâm mẫu, dụng cụ thử độ lưu động của vữa, bay, giấy lọc - Máy uốn, nén thủy lực 300kN, sai số không lớn hơn 2%	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Thiết kế thành phần cấp phối vữa	Công văn số 1784/BXD-VP; TCVN 3121:03; TCVN 4314: 86	- Máy trộn - Cân điện tử - Bàn dẫn, búa cao su - Khuôn đúc mẫu	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
V	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY ĐẤT SÉT NUNG			
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1: 09	Thước đo có độ chính xác 0,1mm	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2: 09; ASTM C67-12; AASHTO T32-10	- Máy nén thủy lực, máy cắt - Bay, chảo trộn, tấm kính, thước đo	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09; ASTM C67-12; AASHTO T32-10	- Máy nén thủy lực, máy cắt - Bay, chảo trộn, tấm kính, thước đo	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4: 09; ASTM C67-12; AASHTO T32-10	- Cân kỹ thuật 15kg chính xác 0,5g - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Thùng ngâm mẫu	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5: 09	- Cân kỹ thuật 15kg chính xác 0,5g - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Thước đo, khăn mềm lau mẫu	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6: 09	- Cân thủy tĩnh 10kg chính xác 0,1g - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Thùng ngâm mẫu	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7: 09	- Thùng hoặc bể giữ ẩm - Thước đo chính xác đến 1mm	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
VI	THỬ NGHIỆM BÊ			

TÔNG NHỰA				
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11; ASTM D1559: 89; ASTM D6927-15; AASHTO T245: 13	- Máy nén Marshall, thiết bị đo lực và đo biến dạng của mẫu - Bể ngâm mẫu Marshall, duy trì được nhiệt ở $60^{\circ}\text{C} \pm 1^{\circ}\text{C}$ - Nhiệt kế có độ chính xác $0,1^{\circ}\text{C}$	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi
	Xác định hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:11; ASTM D2172: 11; AASHTO T164: 13	- Máy chiết tách nhựa - Giấy lọc đường kính 31,5cm - Dung môi hòa tan nhựa (Tricloroethylene hoặc xăng, dầu hỏa) - Ống đong 1000ml, 2000ml - Bếp ga hoặc bếp điện, khay đựng mẫu, dẻ lau, chổi lông	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11; AASHTO T172: 88	- Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1g và 0,001g - Bộ sàng tiêu chuẩn: 0,075; 0,15; 0,30; 0,60; 1,18; 2,36; 4,75; 9,5; 12,5; 19; 25; 37,5; 50mm - Tủ sấy 300°C, điều chỉnh được nhiệt độ - Khay đựng mẫu, chổi lông...	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi
	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11; ASTM D2041: 11; AASHTO T209: 12	- Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01g - Tủ sấy 300°C, điều chỉnh được nhiệt độ - Bình tỷ trọng 1000ml, bình hút chân không, máy hút chân không - Bể ngâm mẫu ổn nhiệt, phụ gia thấm ướt, nước cất - Khay đựng mẫu, chổi lông....	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi
	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa đầm nén	TCVN 8860-5:11; ASTM D2726: 13; AASHTO T166: 13 ; AASHTO T275	- Cân kỹ thuật 10kg, chính xác 0,1g - Cân thủy tĩnh, bể ngâm mẫu 20 lít, bể ngâm mẫu ổn nhiệt - Nhiệt kế có độ chính xác $0,1^{\circ}\text{C}$	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi

			- Khay đựng mẫu, khăn lau	
	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11; AASHTO T51: 00; AASHTO T305: 97	- Tủ sấy 110°C-175°C, chính xác đến 2°C - Rọ đựng mẫu, đũa kim loại, dụng cụ trộn - Cân có độ chính xác đến 0,1g	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi
	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu mịn, thô	TCVN 8860-7:11; AASHTO T304, T309, T326: 96 TCVN 11807:2017	- Ống đồng, phễu chứa, giá đỡ 3 chân được làm bằng kim loại - Khay đựng mẫu, chổi lông, dao gạt bằng thép, tấm kính - Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g - Sàng có kích thước mắt 0,15; 0,3; 0,6; 1,18; 2,36mm	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi
	Xác định độ hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11 AASHTO T230	- Máy khoan, máy cắt, thước đo, rọ thủy tĩnh, cân kỹ thuật, chổi lông, khăn lau..	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11; ASTM D3203: 11; AASHTO T269: 11	- Cân kỹ thuật 10kg, chính xác 0,1g - Cân thủy tĩnh - Bể ngâm mẫu 20lít - Nhiệt kế có độ chính xác 0,1°C - Bể ngâm mẫu ổn nhiệt - Khay đựng mẫu, khăn lau	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11; ASTM D3203 : 11; AASHTO T269 : 11	- Cân kỹ thuật 10kg, chính xác 0,1g - Cân thủy tĩnh - Bể ngâm mẫu 20lít - Nhiệt kế có độ chính xác 0,1°C - Bể ngâm mẫu ổn nhiệt - Khay đựng mẫu, khăn lau	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi
	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11	- Cân kỹ thuật 10kg, chính xác 0,1g - Cân thủy tĩnh - Bể ngâm mẫu 20lít - Nhiệt kế có độ chính xác 0,1°C - Bể ngâm mẫu ổn nhiệt - Khay đựng mẫu, khăn lau	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông	TCVN 8860-12:11; AASHTO T245: 97	- Máy nén Marshall, thiết bị đo lực và đo biến dạng	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi

	nhựa		của mẫu - Bể ngâm mẫu Marshall, duy trì được nhiệt ở $60^{\circ}\text{C} \pm 1^{\circ}\text{C}$ - Nhiệt kế có độ chính xác $0,1^{\circ}\text{C}$ - Đồng hồ bấm giây, đồng hồ đo lực chính xác $0,01\text{mm}$ - Bộ phận nén mẫu gồm hai vành bằng thép mặt trụ tròn bán kính mặt trong tiếp xúc với mẫu là $50,8\text{mm}$ - Thước kẹp đo kích thước mẫu - Găng tay chịu nhiệt, khay đựng, mỡ công nghiệp	Hoàng Phi
	Thiết kế thành phần bê tông nhựa	TCVN 8820: 11; TCVN 13567:24 AIMS -2: 94		Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi
VII	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM			
	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASTM D5:06; AASHTO T49:06	- Thiết bị xuyên kim, kim xuyên, cốc đựng mẫu - Bể ôn nhiệt, bình chuyên tiếp, đồng hồ bấm giờ - Nhiệt kế thủy tinh có vạch chia, chính xác đến $0,1^{\circ}\text{C}$	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi
	Xác định nhiệt hóa mềm (phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36-00; AASHTO T53:06	- Vòng khuyên - Bình thủy tinh, nhiệt kế - Nước cất, chất bôi trơn, dụng cụ gia nhiệt bếp ga, dao cắt mẫu	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi
	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005; ASTM D3625:05; AASHTO T182:84	- Dây buộc, cốc thủy tinh dung tích $1000 \div 2000\text{ml}$, bếp ga, nước cất, nhiệt kế	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi
	Xác định tỷ lệ độ kim lún nhựa đường sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h với khối lượng ở 25°C	TCVN 7499:2005	- Tủ sấy 300°C , duy trì được nhiệt độ, giá quay, nhiệt kế, cốc chứa mẫu thử	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi
VIII	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA			
	Thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020; AASHTO T27; T100	- Bộ sàng: 1,25; 0,63; 0,315; 0,15; 0,075mm - Cân kỹ thuật chính xác $0,01\text{g}$	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Ngô Hoàng Phi

			- Bát sứ (15-20cm), chày bịt cao su, bình đựng nước (6-10lít)	
	Độ ẩm	TCVN 12884- 2:2020; AASHTO T27; T100	- Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ, hộp nhôm, bình hút ẩm - Chén sứ, chày bịt cao su, ống đong (50ml chia 0,5ml), que thủy tinh, phễu, nước cất, dầu hỏa	Trần Hùng Cường, Đỗ Hong Phong, Ngô Hoàng Phi
	Khối lượng riêng	TCVN 8735:2012	- Bình tỷ trọng 100ml - Cân kỹ thuật chính xác đến 0,1; 0,001g - Tủ sấy - Nhiệt kế - Bình hút ẩm - Cốc sứ, bếp cách cát, nước cất	Trần Hùng Cường, Đỗ Hong Phong, Ngô Hoàng Phi
	Chỉ số dẻo	TCVN 4197:2012	- Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g - Sàng vuông 0,425mm, tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ, hộp nhôm đựng mẫu có nắp đậy - Thiết bị Casagrande, đĩa sứ trộn đất đường kính 115mm, dao trộn đất dài 75mm, dụng cụ khía rãnh và đo chuyên dụng - Bình hút ẩm, khăn lau có thấm ướt, nước cất	Trần Hùng Cường, Đỗ Hong Phong, Ngô Hoàng Phi
	Hệ số thích nước	TCVN 12884- 2:2020	- Cân kỹ thuật; - Tủ sấy	Trần Hùng Cường, Đỗ Hong Phong, Ngô Hoàng Phi.
XIX	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CẤP PHỐI ĐÁ DẪM TRONG PHÒNG			
	Xác định khối lượng	TCVN 4195:12; ASTM D854: 00; ASTM D5550: 06; AASHTO T100: 06	- Cân kỹ thuật chính xác 0,01g - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ - Cốc thủy tinh hoặc hộp nhôm, cối chày sứ đầu hoặc cối chày đồng, khay đựng mẫu, chổi lông, phễu nhỏ, bể ổn nhiệt, bếp cách cát, nước, dầu hỏa, tỷ trọng kế, bơm hút chân không... - Sàng có kích thước lỗ	Trần Hùng Cường, Đỗ Hong Phong, Trịnh Văn Huân

			2mm - Bình tỷ trọng dung tích 100cm ³	
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12; ASTM D2216: 10; ASTM D4959: 07	- Cân kỹ thuật chính xác 0,01g - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ - Bình hút ẩm, cốc thủy tinh hoặc hộp nhôm, cối chày sứ đầu bọc cao su, khay đựng mẫu, chổi lông... - Sàng có kích thước lỗ 1mm	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; ASTM D4318: 00; AASHTO T89; T90	- Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g - Sàng vuông 0,425mm, tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ, hộp nhôm đựng mẫu có nắp đáy - Thiết bị xác định giới hạn chảy Casagrande, đĩa sứ trộn đất đường kính 115mm, tấm kính nhám dao trộn đất dài 75mm, dụng cụ khía rãnh và đo chuyên dụng - Bình hút ẩm, khăn lau có thấm ướt, nước cất	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14; ASTM C136: 06; ASTM D1140: 00; ASTM D422: 63; AASHTO T88; T27	- Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g - Bộ sàng: 0,1; 0,25; 0,5; 1; 2; 5; 10; 20; 40; 60; 80; 100mm - Máy lắc sàng (nếu có), khay đựng mẫu, chổi lông, cối chày sứ - Bình hút ẩm, nhiệt kế, nước cất, quả lê cao su - Tủ sấy 300 ⁰ C, điều chỉnh được nhiệt độ	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Đầm nén Proctor	TCVN 4201:12; TCVN 12790:2020; ASTM D1557: 02; ASTM D698: 00a; AASHTO T99; T180;	- Cân kỹ thuật 30kg, độ chính xác 0,5g - Sàng vuông kích thước 19mm và 4,75mm - Tủ sấy có thể duy trì độ ẩm 110 ⁰ C - Hộp nhôm đựng mẫu có nắp đáy - Dụng cụ trộn: chảo trộn mẫu, bay, muôi thép, khay	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân

			kim loại, chổi lông, dầu bôi trơn, dao gạt mẫu - Dụng cụ làm toi mẫu: vỏ gỗ, búa cao su, thước thép sắc cạnh dài $\geq 254\text{mm}$ - Máy đầm - Chày đầm - Cối đầm	
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:12; AASHTO T204 ASTM D2937 : 71	- Dao vòng, dao cắt - Thước kẹp, tấm kính, hộp nhôm hoặc hộp thủy tinh có nắp đậy, bình hút ẩm, khay đựng mẫu, chổi lông - Cân điện tử 15kg, chính xác 0,5g - Tủ sấy 300°C , điều chỉnh được nhiệt độ	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định tỷ số CBR của vật liệu	TCVN 12792:2020; ASTM D1883 : 07; AASHTO T193 : 10;	- Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1g và 0,01g - Sàng vuông 19mm - Tủ dưỡng hộ, tủ sấy có thể duy trì độ ẩm 110°C - Hộp nhôm đựng mẫu có nắp đậy - Dụng cụ trộn: Thìa, xẻng, muôi thép, khay kim loại, chổi lông, dầu bôi trơn, dao gạt mẫu - Thước thép sắc cạnh dài $\geq 254\text{mm}$ - Cối CBR: D = 152mm, chiều cao 177,8mm - Chày đầm bằng kim loại, khối lượng 4,54kg, chiều cao rơi 457mm - Máy đầm - Dụng cụ tháo mẫu - Thiết bị đo độ trương nở đồng hồ chuyển vị - Quả cân gia tải. - Thiết bị gia tải: Máy nén CBR và cần xuyên - Bể ngâm mẫu	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ bằng phương pháp lò nung	AASHTO T267; 14 TCN148: 05; ASTM D2974:13;	- Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01g; Lò nung; Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ, cốc sứ hoặc bát chịu nhiệt, sàng 2mm, găng tay, găng..	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định hàm lượng muối hòa tan	Phụ lục D. TCVN 9436 : 2012	- Cân kỹ thuật độ chính xác 0,0001g; Tủ sấy 300°C	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân

			, cốc sứ hoặc bát chịu nhiệt, găng tay, găng, hóa chất H ₂ O ₂ 10%...	Văn Huân
	Thí nghiệm nén một trục có nở hông cọc đất gia cố xi măng	ASTM D2166	- Máy nén một trục có nở hông, thước đo, bột kepping mẫu...	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Vũ Việt Lâm
X	THỬ NGHIỆM TÀI HIỆN TRƯỜNG			
	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai, xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCN 8730:2012; TCVN 12791 :2020; TCVN 8728: 12; TCVN 8729: 12; ASTM D2937; AASHTO T204, ASTM D5030 ; ASTM D4914	- Cân kỹ thuật (1g), 5kg (5g), 10kg (10g), 100kg (100g) - Sàng mắt vuông kích thước: 0,3; 0,6; 1,18; 2; 2,36; 4,75; 5; 19; 20; 60mm - Dao đai, khâu, búa, thùng đào lấy mẫu, dao cắt mẫu, tấm kính 2 tấm, hộp đựng mẫu, chổi lông, vòng chắn bằng thép, xô, chậu, cón công nghiệp 90⁰ - Bộ phễu rót cát, đỉnh, đục, búa đỉnh, chổi lông, cón 90⁰ - Cát tiêu chuẩn, pipet, nước sạch, nilon - Thước kẹp, thước gạt, thước nivo - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Bơm hút nước	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định độ chặt của nền, móng đường bằng PP rót cát	TCVN 8728: 12; TCVN 8729: 12; ASTM D1556: 00; AASHTO T191	- Cân kỹ thuật (1g), 5kg (5g), 10kg (10g), 100kg (100g) - Sàng mắt vuông kích thước: 0,3; 0,6; 1,18; 2; 2,36; 4,75; 5; 19; 20; 60mm - Dao đai, khâu, búa, thùng đào lấy mẫu, dao cắt mẫu, tấm kính 2 tấm, hộp đựng mẫu, chổi lông, vòng chắn bằng thép, xô, chậu, cón công nghiệp 90⁰ - Bộ phễu rót cát, đỉnh, đục, búa đỉnh, chổi lông, cón 90⁰ - Cát tiêu chuẩn, pipet, nước sạch, nilon - Thước kẹp, thước gạt,	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân

			thước nivo - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Bom hút nước	
	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821 : 2011; ASTM D4429-09a	- Kích gia tải (lực nén ≥ 45 kN, hành trình kích ≥ 50 mm) - Dụng cụ đo lực: vòng đo lực có khoảng đo 0 - 50 kN, đầu xuyên, cần nối - Đồng hồ chuyển vị hành trình 25x0,01 mm, giá đỡ đồng hồ - Tấm gia tải (vành khăn, vành khuyên) - Thiết bị chùy xuyên động	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E965 : 96	- Cát tiêu chuẩn - Sàng kích thước mắt 0,15; 0,30mm - Bàn xoa, ống đong cát có thể tích trong là 25cm ³ , bàn chải sắt, chổi lông, thước đo, dụng cụ biển báo hướng dẫn giao thông	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định độ nhám mặt đường bằng con lắc Anh	TCVN 10271:14; ASTM E303	- Dụng cụ con lắc Anh	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950; E1082	- Thước dài 3m, con nêm, chổi quét mặt đường, biển báo chỉ dẫn giao thông	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Thí nghiệm nén tĩnh cọc đơn	TCVN 9393 : 2012	Kích 30 tấn, dầm , tải bê tông 10 cục 2,5 tấn, đồng hồ so	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân, Vũ Việt Lâm...
XI	VẬT LIỆU HẠT LIÊN KẾT BẰNG CÁC CHẤT KẾT DÍNH			
	Cường độ kháng kéo khi ép chế	TCVN 8862 : 2011	- Máy nén thủy lực - Gối truyền tải, đệm gỗ	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Xác định cường độ nén	TCVN 8858 : 2023, AASHTO T22	- Máy nén thủy lực - Bột capping mặt mẫu	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
XII	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN			

	Thử kéo, Kiểm tra đặc trưng hình học của gân thép	TCVN 197:14; (ISO 6892 : 1998); TCVN 7937- 2013 ;(ISO 15630 - 1); ASTM A370 : 11; ASTM E8/E8M; AASHTO T68: 09;	- Máy cắt thép - Thước lá 3m, thước kẹp - Bút tẩy phủ, dũa vạch mẫu - Máy kéo thủy lực - Cân kỹ thuật 15kg chính xác 0,5g	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân
	Thử uốn	TCVN 198:08; TCVN 7937- 2013 (ISO 15630 - 1); ASTM A370 : 11; ASTM A90/A90M; ASTM E885;	- Máy cắt thép - Thước lá 3m - Bút tẩy phủ, dũa vạch mẫu - Máy uốn thủy lực + bộ gá uốn theo TCVN 1651:2018	Trần Hùng Cường, Đỗ Hồng Phong, Trịnh Văn Huân

2.2 Danh mục thiết bị thí nghiệm chính

TT	Thiết bị	Hãng/ Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số seri /ID thiết bị	Tình trạng hiệu chuẩn	Ghi chú
1	Cân					
	Cân điện tử 30kg ($\pm 5g$, $\pm 1g$)	Mỹ	2022	2208026	Còn hạn	
	Cân điện tử 15kg ($\pm 0,1g$)	Trung Quốc	2022	2210118	Còn hạn	
2	Tủ dưỡng hộ HBY	Trung Quốc	2024		Còn hạn	
3	Máy nén CBR, Cọc đất GCXM, nén Marshall	Trung Quốc	2024	2404189	Còn hạn	
4	Đồng hồ so (0-10 cm)	Trung Quốc	2025	5A04325	Còn hạn	
		Trung Quốc	2025	6413250	Còn hạn	
5	Máy nén TYA(E)-2000	Trung Quốc		2205496	Còn hạn	
6	Máy nén TYA(E)-300	Trung Quốc		80903	Còn hạn	
7	Kích thủy lực					
	Kích 30 tấn	Trung Quốc			Còn hạn	
	Kích 30 tấn	Trung Quốc			Còn hạn	
8	Máy khoan BTN, BTXM	Việt Nam				
9	Nhót kế VEBE					
10	Máy đầm Proctor	Trung Quốc				
11	Máy đầm Marshall	Trung Quốc				
12	Bể ôn nhiệt BTN	Trung Quốc	2025		Còn hạn	Mã nội bộ
13	Máy chiết	Việt Nam				
14	Máy trộn vữa Xi măng	Trung Quốc				
15	Máy dẫn xi măng	Trung Quốc				
16	Thước 3m	Trung Quốc	2024	05	Còn hạn	

2.3 Danh sách thí nghiệm viên

T T	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ/ văn bằng, chứng chỉ	Vị trí/ chức vụ	Ghi chú
1	Trần Hùng Cường	1983	KS công nghệ kỹ thuật GT	Trưởng trạm	
2	Nguyễn Viết Tình	1978	KS XD dân dụng CN	Phó Trưởng trạm	
3	Vũ Việt Lâm	1985	KS Mỏ Địa Chất	Thí nghiệm viên	
4	Đỗ Hồng Phong	1991	Cử nhân xây dựng	Thí nghiệm viên	
5	Ngô Hoàng Phi	1994	Trung cấp XD cầu đường	Thí nghiệm viên	
6	Trịnh Văn Huân	1993	Sơ cấp thí nghiệm	Thí nghiệm viên	

3. Cam kết của đơn vị

Đơn vị cam kết bảo đảm và duy trì thường xuyên các điều kiện về nhân lực, thiết bị và không gian thí nghiệm theo đúng quy định pháp luật

Đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ và chính xác của toàn bộ thông tin công bố nêu trên.

Đơn vị sẽ thực hiện công bố lại thông tin ngay khi có bất kỳ sự thay đổi nào về năng lực hoạt động so với nội dung đã công bố

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Ban KHTH. T04.



GIÁM ĐỐC

Trung tá Phạm Văn Hùng